

Số: 317/QĐ-HV

Hà Nội, ngày 18 tháng 5 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy định về quản lý chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài tại Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG

Căn cứ Quyết định số 879/QĐ-BTTTT ngày 25/5/2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông;

Căn cứ Nghị định số 86/2018/NĐ-CP ngày 06/6/2018 của Chính phủ quy định về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục;

Căn cứ Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 222/QĐ-TTg ngày 04/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông;

Xét đề nghị của Trường phòng Quản lý Khoa học công nghệ và Hợp tác quốc tế và Giám đốc Trung tâm Đào tạo quốc tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định về quản lý chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài tại Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1029/QĐ-HV ngày 16/11/2017 của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông về việc ban hành Quy định về quản lý chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Phó giám đốc Học viện phụ trách Cơ sở Học viện tại Thành phố Hồ Chí Minh, Trường phòng Quản lý Khoa học công nghệ và Hợp tác quốc tế, Giám đốc Trung tâm Đào tạo quốc tế, Trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3 (t/h);
- Cục HTQT, Bộ GD&ĐT (để b/c);
- Vụ HTQT, Bộ TTTT (để b/c);
- Ban Giám đốc Học viện;
- Lưu: VT, QLKH&HTQT, TTĐTQT.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Trần Quang Anh

QUY ĐỊNH
VỀ QUẢN LÝ CHƯƠNG TRÌNH LIÊN KẾT ĐÀO TẠO VỚI NƯỚC NGOÀI
TẠI HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG
(Ban hành kèm theo Quyết định số: **317** /QĐ-HV ngày **18/5** /2020
của Giám đốc Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Văn bản này quy định về công tác xây dựng, phê duyệt, gia hạn hồ sơ và quản lý các chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài giữa Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông (sau đây viết tắt là Học viện) và các cơ sở giáo dục nước ngoài.

2. Quy định này áp dụng đối với đơn vị, cá nhân trực thuộc Học viện, tổ chức quốc tế, các cơ sở giáo dục nước ngoài và cá nhân là người nước ngoài hoạt động hợp tác, đầu tư, triển khai các chương trình liên kết đào tạo cấp văn bằng/chứng chỉ giữa Học viện và cơ sở giáo dục nước ngoài.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Liên kết đào tạo với nước ngoài (sau đây viết tắt là LKĐTVNN): là việc hợp tác giữa Học viện và cơ sở giáo dục nước ngoài nhằm thực hiện chương trình đào tạo để cấp văn bằng hoặc cấp chứng chỉ mà không thành lập pháp nhân.

2. Cơ sở giáo dục nước ngoài (sau đây viết tắt là CSGDNN): là cơ sở giáo dục đại học, sau đại học được thành lập và hoạt động hợp pháp tại nước ngoài.

3. Đề án liên kết đào tạo với nước ngoài (sau đây viết tắt là Đề án LKĐTVNN hoặc Đề án): là đề án của chương trình liên kết đào tạo (sau đây viết tắt là chương trình LKĐTVNN) do Đơn vị thực hiện LKĐTVNN thuộc Học viện xây dựng dựa trên các nội dung của Biên bản thỏa thuận giữa Học viện và cơ sở giáo dục nước ngoài.

4. Đơn vị thực hiện LKĐTVNN: là đơn vị đề xuất, xây dựng, triển khai Đề án LKĐTVNN với CSGDNN và được giao tổ chức thực hiện, quản lý chương trình LKĐTVNN sau khi được phê duyệt, gia hạn. Đơn vị thực hiện LKĐTVNN bao gồm Trung tâm Đào tạo quốc tế và các đơn vị có con dấu khác thuộc Học viện, được giao thực hiện chương trình LKĐTVNN theo chức năng nhiệm vụ.

5. Các đơn vị liên quan: là các đơn vị có những nhiệm vụ, quyền hạn liên quan theo quy định của Học viện trong việc xây dựng, phê duyệt, gia hạn Đề án và quản lý các chương trình LKĐTVNN. Các đơn vị liên quan bao gồm nhưng không giới hạn, các đơn vị sau: Phòng Tổ chức cán bộ - Lao động, Phòng Kế hoạch đầu tư, Phòng Tài chính – Kế

toán, Phòng Đào tạo, Phòng Giáo vụ, Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục, Khoa đào tạo sau đại học (trong trường hợp Đề án/ Chương trình LKĐTVNN thuộc trình độ sau đại học), các khoa đào tạo (liên quan đến chương trình, ngành học, môn học/ học phần thuộc khoa đào tạo quản lý).

6. Hội đồng thẩm định: Hội đồng thẩm định Đề án LKĐTVNN được thành lập theo quyết định của Giám đốc Học viện. Hội đồng có từ 9 đến 15 thành viên, bao gồm:

- a) Chủ tịch Hội đồng: là Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Học viện được ủy quyền;
- b) Các thành viên: là lãnh đạo các đơn vị: Phòng QLKHCN&HTQT, Phòng Đào tạo, Phòng Tài chính Kế toán, Phòng TCCB-LĐ, Phòng Giáo vụ, Trung tâm Đào tạo Quốc tế, các đơn vị thực hiện LKĐTVNN, đại diện các đơn vị, cá nhân liên quan. Thành viên thuộc đơn vị thực hiện LKĐTVNN có trách nhiệm chuẩn bị tài liệu và báo cáo, giải trình các nội dung thuộc Đề án trước Hội đồng.

7. Chiến lược phát triển các chương trình LKĐTVNN: là văn bản được Học viện ban hành nhằm xác định về các mục tiêu, biện pháp, cách thức thực hiện chương trình LKĐTVNN trong một giai đoạn tại Học viện. Chiến lược phát triển các chương trình LKĐTVNN nhằm cụ thể hóa nội dung LKĐTVNN theo chiến lược phát triển của Học viện, cũng như làm cơ sở công khai, minh bạch để các đơn vị trong Học viện chủ động tìm kiếm, xúc tiến, trao đổi với các đối tác; đề xuất xây dựng, phê duyệt và thực hiện các chương trình LKĐTVNN.

Điều 3. Hình thức và đối tượng LKĐTVNN

1. Hoạt động LKĐTVNN được thể hiện dưới hình thức: liên kết đào tạo trực tiếp, liên kết đào tạo trực tuyến (online), liên kết đào tạo trực tiếp kết hợp trực tuyến. Các bên chỉ được liên kết đào tạo trong phạm vi ngành và trình độ đào tạo đã được phép thực hiện và được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam công nhận.

2. Đối tượng LKĐTVNN là các cơ sở giáo dục đại học và sau đại học nước ngoài được thành lập, hoạt động hợp pháp ở nước ngoài, đáp ứng các yêu cầu sau:

- a) Có tư cách pháp nhân; được phép đào tạo các ngành/chuyên ngành liên kết đào tạo; được cơ quan, tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục hoặc cơ quan có thẩm quyền về giáo dục của nước ngoài công nhận về chất lượng và được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam công nhận;
- b) Có quan hệ hợp tác chính thức với Học viện hoặc Đơn vị thực hiện LKĐTVNN.

Điều 4. Các quy định chung khác

1. Các bên liên kết đảm bảo thực hiện đúng quy định hiện hành về phạm vi liên kết đào tạo; quy mô đào tạo; đối tượng tuyển sinh; chương trình đào tạo; điều kiện cơ sở vật chất, thiết bị, địa điểm; đội ngũ giảng viên; kiểm tra, thi, đánh giá, công nhận tốt nghiệp; cấp văn bằng, chứng chỉ và các quy định pháp luật khác.

2. Các nội dung nêu tại Khoản 1 Điều này được trình bày cụ thể trong Đề án LKĐTVNN.

Điều 5. Nhiệm vụ của các đơn vị tham gia lĩnh vực LKĐTVNN

1. Đơn vị thực hiện LKĐTVNN

- a) Lập hồ sơ xin phê duyệt hoặc gia hạn LKĐTVNN theo các quy định hiện hành của Nhà nước và của Học viện trình Lãnh đạo Học viện;
- b) Lấy ý kiến góp ý của các đơn vị liên quan trong và ngoài Học viện về hồ sơ xin phê duyệt hoặc gia hạn LKĐTVNN;
- c) Quản lý và tổ chức thực hiện chương trình LKĐTVNN đã được phê duyệt theo đúng quy định của Nhà nước và Học viện.

2. Phòng Quản lý Khoa học Công nghệ và Hợp tác quốc tế:

- a) Thực hiện thủ tục trình Lãnh đạo Học viện thành lập Hội đồng thẩm định hồ sơ xin phê duyệt hoặc gia hạn LKĐTVNN;
- b) Trình Giám đốc Học viện xem xét ban hành Quyết định phê duyệt thực hiện, gia hạn đề án LKĐTVNN trên cơ sở kết luận của Hội đồng thẩm định.

3. Các đơn vị có liên quan:

- a) Đối với các phòng ban, trung tâm: đóng góp ý kiến về các vấn đề liên quan tới chương trình đào tạo, cấu trúc chương trình, quy mô đào tạo, đối tượng tuyển sinh theo ngành, lĩnh vực đào tạo của khoa phụ trách trong quá trình xây dựng, trình duyệt chương trình LKĐTVNN;
- b) Đối với các khoa đào tạo: phối hợp tổ chức, quản lý triển khai chương trình LKĐTVNN đã được phê duyệt, gia hạn theo ngành, lĩnh vực đào tạo của khoa được giao phụ trách.

Chương II

HỒ SƠ, TRÌNH TỰ, THỦ TỤC PHÊ DUYỆT

Điều 6. Thỏa thuận hợp tác liên kết đào tạo với nước ngoài

Thỏa thuận hợp tác LKĐTVNN là thỏa thuận (hay hợp đồng) giữa Học viện với CSGDNN về việc hợp tác thực hiện chương trình LKĐTVNN. Các điều khoản của thỏa thuận hợp tác LKĐTVNN ký kết với Học viện cần bao gồm, nhưng không giới hạn, những nội dung cơ bản sau:

- a) Cam kết trách nhiệm mà mỗi bên phải thực hiện khi tham gia LKĐTVNN;
- b) Thể hiện đầy đủ các thông tin về hoạt động diễn ra trong suốt quá trình đào tạo. Trong đó, những thông tin dưới đây phải có trong thỏa thuận:
 - Thông tin về tuyển sinh: ngành nghề và trình độ đào tạo; thời gian đào tạo; hình thức LKĐTVNN; hình thức tuyển sinh; đối tượng tuyển sinh; địa điểm đào tạo; lệ phí tuyển sinh; học phí khóa học và các khoản phí bảo hiểm (nếu có);

- Thông tin về đào tạo: văn bằng; danh sách học phần và tín chỉ của từng học phần; tổng số tín chỉ, tổng thời gian học của chương trình; phân bổ học phần, tín chỉ và thời gian học tại Học viện và/hoặc tại CSGDNN; phân công giảng dạy giữa giảng viên Học viện và CSGDNN; tổ chức thi, kiểm tra đánh giá, cấp bằng tốt nghiệp; thỏa thuận về công nhận học phần, chuyển tiếp sinh viên, học viên (nếu có) giữa các bên tham gia LKĐTVNN;

- Thông tin về quản lý: trách nhiệm phối hợp trong việc tổ chức quản lý và thực hiện các chế độ, chính sách đối với người học; việc thu học phí, lệ phí, bảo hiểm (nếu có); trách nhiệm đền bù thiệt hại do không thực hiện được các cam kết trong Thỏa thuận/Hợp đồng LKĐTVNN.

c) Các điều khoản về thi hành; thời hạn hợp tác LKĐTVNN; gia hạn, sửa đổi và chấm dứt Thỏa thuận; các trường hợp bất khả kháng; giải quyết tranh chấp, luật và địa điểm giải quyết tranh chấp, tuân thủ luật pháp địa phương.

Điều 7. Đề xuất đàm phán chương trình LKĐTVNN.

1. Đề xuất đàm phán chương trình LKĐTVNN là văn bản xin chủ trương thực hiện LKĐTVNN, áp dụng khi Học viện và đối tác nước ngoài chưa ký kết biên bản ghi nhớ hoặc nội dung của biên bản ghi nhớ chưa bao gồm nội dung thực hiện chương trình LKĐTVNN.

2. Đề xuất đàm phán chương trình LKĐTVNN cần có các nội dung cơ bản sau:

a) Mục tiêu của chương trình LKĐTVNN;

b) Thông tin về CSGDNN cùng LKĐTVNN (bao gồm tài liệu chứng minh CSGDNN đảm bảo điều kiện chung được quy định tại Điều 3 của Quy định này);

c) Thời hạn dự kiến LKĐTVNN;

d) Ngành nghề và trình độ đào tạo;

e) Điều kiện cơ sở vật chất, thiết bị dự kiến cho chương trình LKĐTVNN;

f) Chương trình và cấu trúc dự kiến của chương trình LKĐTVNN;

g) Quy mô đào tạo dự kiến;

h) Đối tượng, hình thức và tiêu chí tuyển sinh dự kiến;

i) Mức học phí, hỗ trợ tài chính dự kiến;

j) Văn bằng, chứng chỉ dự định cấp. Đối với văn bằng, nêu rõ tính tương đương của văn bằng nước ngoài đối với văn bằng của hệ thống giáo dục quốc dân Việt Nam;

3. Sau khi dự thảo xong đề xuất đàm phán LKĐTVNN, Đơn vị thực hiện LKĐTVNN trình Lãnh đạo Học viện xin chủ trương đàm phán.

4. Trong trường hợp được Lãnh đạo Học viện đồng ý chủ trương đàm phán, Đơn vị thực hiện LKĐTVNN tiến hành đàm phán, xây dựng hồ sơ LKĐTVNN.

Điều 8. Thủ tục, hồ sơ thẩm định LKĐTVNN

1. Đơn vị thực hiện LKĐTVNN gửi hồ sơ LKĐTVNN xin ý kiến các đơn vị liên quan trong Học viện đóng góp ý kiến;

2. Trong thời gian 15 ngày kể từ khi nhận được hồ sơ LKĐTVNN, các đơn vị có trách nhiệm cho ý kiến về các nội dung của hồ sơ LKĐTVNN để đơn vị thực hiện LKĐTVNN tiếp thu, chỉnh sửa (nếu có);

3. Sau khi tiếp thu, chỉnh sửa các ý kiến góp ý của các đơn vị, Đơn vị thực hiện LKĐTVNN gửi hồ sơ đề nghị thẩm định LKĐTVNN đến Phòng Quản lý Khoa học Công nghệ và Hợp tác Quốc tế. Hồ sơ gồm có:

a) Đề án LKĐTVNN, Phiếu đề nghị thẩm định Đề án LKĐTVNN, Tờ trình về việc thực hiện chương trình LKĐTVNN theo các biểu mẫu tương ứng BM01, BM02 và BM03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này;

b) Thỏa thuận hoặc hợp đồng hợp tác giữa các bên liên kết, trong đó có thông tin chi tiết về các bên liên kết, trách nhiệm của các bên liên kết đối với các nội dung cam kết cụ thể về chương trình, tài liệu học tập và giảng dạy, giảng viên, cơ sở vật chất, kiểm tra, đánh giá, văn bằng, thông tin về tài chính và các nội dung khác;

c) Giấy tờ chứng minh tư cách pháp lý của các Bên liên kết đào tạo: Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu;

d) Giấy tờ chứng minh Học viện và cơ sở giáo dục nước ngoài được phép đào tạo trong lĩnh vực dự định liên kết (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu).

đ) Đề án LKĐTVNN của Học viện cần có các nội dung cơ bản sau: Sự cần thiết, mục tiêu của liên kết; giới thiệu các bên liên kết, nội dung liên kết, ngành và trình độ đào tạo; cơ sở vật chất, thiết bị; chương trình và nội dung giảng dạy; danh sách giảng viên dự kiến kèm theo lý lịch khoa học; đối tượng và tiêu chí tuyển sinh; quy mô đào tạo; hình thức tổ chức kiểm tra, đánh giá; văn bằng, chứng chỉ sẽ được cấp, tính tương đương của văn bằng, chứng chỉ của người nước ngoài với văn bằng của hệ thống giáo dục quốc dân Việt Nam; biện pháp bảo đảm chất lượng giáo dục, quyền lợi của người học và người lao động; bộ phận phụ trách liên kết, lý lịch cá nhân của người đại diện Học viện và của cơ sở giáo dục nước ngoài tham gia quản lý chương trình; mức học phí, hỗ trợ tài chính của cá nhân, tổ chức Việt Nam và nước ngoài (nếu có), dự toán kinh phí, cơ chế quản lý tài chính; trách nhiệm và quyền hạn của các bên liên kết; trách nhiệm và quyền hạn của nhà giáo, người học.

e) Bảng tổng hợp giải trình các ý kiến tiếp thu, các ý kiến bảo lưu đối với các ý kiến góp ý của các đơn vị liên quan trong Học viện (nếu có).

4. Phòng Quản lý Khoa học Công nghệ và Hợp tác Quốc tế thực hiện thủ tục trình Lãnh đạo Học viện thành lập Hội đồng thẩm định hồ sơ LKĐTVNN và tổ chức họp Hội đồng thẩm định. Biên bản họp Hội đồng thẩm định là cơ sở kết luận của Hội đồng Thẩm định, để tham mưu cho Giám đốc Học viện ban hành quyết định phê duyệt chương trình LKĐTVNN.

Điều 9. Thẩm quyền phê duyệt

Giám đốc Học viện phê duyệt Đề án liên kết đào tạo với nước ngoài trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ tổ chức tại Học viện và các cơ sở đào tạo của Học viện.

Điều 10. Thủ tục, hồ sơ phê duyệt liên kết đào tạo

1. Sau khi tiếp thu, chỉnh sửa các ý kiến của Hội đồng thẩm định, Đơn vị thực hiện LKĐTVNN gửi hồ sơ đề nghị phê duyệt Đề án LKĐTVNN đến Phòng Quản lý Khoa học Công nghệ và Hợp tác Quốc tế. Hồ sơ gồm có:

- a) Đơn đề nghị phê duyệt đề án LKĐTVNN (theo biểu mẫu BM04 ban hành kèm theo quyết định này);
- b) Phiếu Biên nhận Hồ sơ Đề án LKĐTVNN (theo biểu mẫu BM05 ban hành kèm theo quyết định này);
- c) Đề án LKĐTVNN đã sửa đổi và bản giải trình tiếp thu ý kiến Hội đồng thẩm định;
- d) Các hồ sơ, tài liệu liên quan khác.

4. Phòng Quản lý Khoa học Công nghệ và Hợp tác Quốc tế thực hiện thủ tục trình Giám đốc Học viện ban hành Quyết định phê duyệt Đề án LKĐTVNN (theo biểu mẫu BM06 ban hành kèm theo quyết định này).

Điều 11. Thời hạn liên kết

Thời hạn hoạt động của chương trình LKĐTVNN không quá 05 năm kể từ ngày được phê duyệt và có thể được gia hạn, mỗi lần gia hạn không quá 05 năm và không quá thời hạn thỏa thuận hoặc hợp đồng hợp tác giữa các bên liên kết.

Chương III

GIA HẠN ĐỀ ÁN LIÊN KẾT ĐÀO TẠO VỚI NƯỚC NGOÀI

Điều 12. Thời gian và điều kiện gia hạn hoặc điều chỉnh Đề án LKĐTVNN

1. Việc gia hạn LKĐTVNN của Học viện cần được thực hiện trong thời gian 06 tháng trước khi thời hạn của chương trình LKĐTVNN hết hiệu lực.

2. Điều kiện gia hạn Đề án LKĐTVNN:

- a) Chương trình LKĐTVNN thực hiện đúng quy định trong Quyết định phê duyệt Đề án LKĐTVNN;
- b) Không có hành vi vi phạm pháp luật Việt Nam và pháp luật nước ngoài;
- c) Chương trình LKĐTVNN tiếp tục đáp ứng các điều kiện về kiểm định chất lượng giáo dục;
- d) Chương trình LKĐTVNN đạt được tiêu chí phù hợp với chiến lược phát triển của Học viện;

e) Chương trình LKĐTVNN đạt được các tiêu chí về hiệu quả kinh tế.

Điều 13. Hồ sơ đề nghị gia hạn Đề án LKĐTVNN

Hồ sơ đề nghị gia hạn Đề án LKĐTVNN của Học viện bao gồm:

1. Đơn đề nghị gia hạn hoặc điều chỉnh LKĐTVNN;
2. Báo cáo tổng kết hoạt động LKĐTVNN trong thời gian được cấp phép;
3. Thỏa thuận hoặc hợp đồng hợp tác đang còn hiệu lực giữa các bên liên kết.
4. Dự thảo Thỏa thuận hợp tác LKĐTVNN mới.

Điều 14. Trình tự thủ tục gia hạn Đề án LKĐTVNN

1. Đơn vị thực hiện LKĐTVNN gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị gia hạn chương trình LKĐTVNN theo Điều 13 của Quy định này đến Phòng Quản lý KHHCN&HTQT;

2. Phòng Quản lý Khoa học Công nghệ và Hợp tác Quốc tế thực hiện thủ tục trình Lãnh đạo Học viện thành lập Hội đồng thẩm định gia hạn hồ sơ LKĐTVNN. Trên cơ sở kết luận của Hội đồng thẩm định, Phòng QLKHHCN&HTQT thực hiện thủ tục trình Giám đốc Học viện ban hành quyết định gia hạn hoặc thông báo từ chối gia hạn chương trình LKĐTVNN.

Chương IV

QUẢN LÝ CHƯƠNG TRÌNH LIÊN KẾT ĐÀO TẠO VỚI NƯỚC NGOÀI

Điều 15. Quản lý chương trình LKĐTVNN

1. Nguyên tắc quản lý các chương trình LKĐTVNN tại Học viện là đảm bảo phối hợp quản lý chặt chẽ giữa Học viện, Đơn vị thực hiện LKĐTVNN và CSGDNN cũng như giữa Đơn vị thực hiện LKĐTVNN và các đơn vị liên quan của Học viện.

2. Các đơn vị liên quan phối hợp, hỗ trợ Đơn vị thực hiện LKĐTVNN trong công tác quản lý các chương trình LKĐTVNN theo đúng nhiệm vụ được giao.

3. Công tác quản lý các chương trình LKĐTVNN cần tuân thủ theo Thỏa thuận hợp tác LKĐTVNN giữa các bên, quyết định phê duyệt/gia hạn Đề án LKĐTVNN và phù hợp với quy định của Nhà nước và Học viện.

Điều 16. Quản lý tài chính

I. Cơ chế quản lý tài chính

a) Đơn vị thực hiện LKĐTVNN phải thực hiện quản lý tài chính theo phân cấp của Học viện và các quy định hiện hành của Nhà nước về chế độ quản lý tài chính, kế toán đối với đơn vị tự chủ và đối với hoạt động hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

b) Đơn vị thực hiện LKĐTVNN được xây dựng mức thu học phí, lệ phí cụ thể theo quy định và đưa vào nội dung Đề án LKĐTVNN. Mức thu học phí, lệ phí phải công khai với người học trước khi tuyển sinh;

c) Đơn vị thực hiện LKĐTVNN xây dựng mức chi (trong đó tối thiểu phải có các nội dung về lương, thù lao cho giảng viên và người lao động; học liệu, tài liệu học tập; thi, kiểm tra, đánh giá, kiểm định chất lượng giáo dục; các hoạt động phục vụ giảng dạy, học tập thường xuyên; tăng cường đầu tư cơ sở vật chất thiết bị dạy học) trên cơ sở đáp ứng các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo, phù hợp với nội dung Đề án LKĐTVNN đã được Giám đốc Học viện phê duyệt, đảm bảo yêu cầu thiết thực, tiết kiệm, hiệu quả, đảm bảo khuyến khích giảng viên và lương, thu nhập tối thiểu đối với người lao động tham gia hoạt động LKĐTVNN;

d) Các quy định về định mức thu, chi tài chính phải được phản ánh trong Đề án. Các nội dung thu, chi theo quy định của pháp luật và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

2. Nguồn thu của chương trình LKĐTVNN gồm:

a) Nguồn thu từ học phí, lệ phí;

b) Viện trợ không hoàn lại, quà biếu, tặng, cho của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài Học viện, trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật;

c) Các khoản thu hợp pháp khác theo quy định;

3. Tất cả nguồn thu của chương trình LKĐTVNN phải được phản ánh và hạch toán đầy đủ vào hệ thống sổ sách kế toán của Học viện hoặc của Đơn vị thực hiện LKĐTVNN.

Điều 17. Kiểm tra, giám sát chương trình LKĐTVNN

1. Đơn vị thực hiện LKĐTVNN tự tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện chương trình LKĐTVNN của đơn vị mình nhằm đảm bảo chất lượng giáo dục theo đúng cam kết trong Đề án LKĐTVNN được phê duyệt. Việc tự kiểm tra, giám sát của Đơn vị thực hiện LKĐTVNN đối với chương trình LKĐTVNN phải có tính thường xuyên. Kết thúc các năm học, Đơn vị thực hiện LKĐTVNN báo cáo tổng hợp kết quả kiểm tra, giám sát (nằm trong Báo cáo định kỳ) cho Học viện.

2. Học viện giao các đơn vị chức năng liên quan tổ chức giám sát, kiểm tra, thanh tra công tác tuyển sinh, công tác tổ chức, quản lý các chương trình LKĐTVNN tại Học viện. Việc kiểm tra, giám sát được tổ chức theo định kỳ (tối thiểu một lần/năm) hoặc đột xuất theo chỉ đạo của Giám đốc Học viện.

Điều 18. Đánh giá chương trình LKĐTVNN

1. Định kỳ hàng năm, Đơn vị thực hiện LKĐTVNN tự tổ chức đánh giá chương trình LKĐTVNN đang thực hiện tại đơn vị mình và tổng hợp trong Báo cáo định kỳ cho Học viện theo Mục 1 Điều 19 của Quy định này.

2. Định kỳ hàng năm, Đơn vị thực hiện LKĐTVNN tổ chức thực hiện đánh giá và tổng hợp các báo cáo của các chương trình LKĐTVNN tại Học viện. Việc đánh giá định kỳ thường xuyên các chương trình LKĐTVNN nhằm hỗ trợ quản lý, kịp thời khen thưởng những chương trình thực hiện tốt cũng như cảnh báo các chương trình chưa thực hiện tốt các công tác liên quan đến LKĐTVNN.

Điều 19. Chế độ báo cáo của Đơn vị thực hiện LKĐTVNN

1. Định kỳ sau mỗi năm học, trước ngày 30 tháng 11 hàng năm, đơn vị thực hiện LKĐTVNN có trách nhiệm báo cáo việc tổ chức thực hiện LKĐTVNN cho Học viện. Báo cáo định kỳ cho Học viện bao gồm các nội dung liên quan đến: việc thực hiện Quyết định phê duyệt, Quyết định gia hạn hoặc điều chỉnh LKĐTVNN; cơ cấu tổ chức, giáo viên, giảng viên, số lượng tuyển sinh, công tác tổ chức giảng dạy và học tập; kết quả học tập của sinh viên, học viên, nghiên cứu sinh, số lượng tốt nghiệp, tỷ lệ tốt nghiệp, số lượng chứng chỉ, văn bằng đã cấp, báo cáo tài chính, khó khăn, thuận lợi trong quá trình triển khai, đề xuất, kiến nghị (*theo biểu mẫu BM07 ban hành kèm theo quyết định này*).

2. Giám đốc Học viện có quyền yêu cầu Đơn vị thực hiện LKĐTVNN lập các báo cáo đột xuất.

3. Trưởng các Đơn vị thực hiện LKĐTVNN chịu trách nhiệm về việc đảm bảo thời hạn và tính chính xác của báo cáo.

Điều 20. Chế độ báo cáo của Học viện cho Bộ GD&ĐT và Bộ Thông tin và Truyền thông

1. Báo cáo về việc phê duyệt, gia hạn Đề án LKĐTVNN: Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ khi Đề án LKĐTVNN được phê duyệt/gia hạn, Phòng Quản lý KHHCN&HTQT trình Giám đốc Học viện công văn báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo (Vụ Giáo dục Đại học, Cục Hợp tác quốc tế, Cục Quản lý chất lượng giáo dục) và Bộ Thông tin và Truyền thông (Vụ Hợp tác quốc tế) về việc phê duyệt chương trình LKĐTVNN.

2. Đơn vị thực hiện LKĐTVNN thực hiện nghĩa vụ báo cáo thông qua việc cập nhật cơ sở dữ liệu về LKĐTVNN của Bộ Giáo dục và Đào tạo theo quy định, đồng thời có trách nhiệm cập nhật và thông báo các thay đổi (nếu có) về chế độ báo cáo cho Phòng QLKHHCN&HTQT và các đơn vị có liên quan để theo dõi, tổng hợp.

Điều 21. Chế độ lưu trữ

1. Phòng QLKHHCN&HTQT có trách nhiệm lưu trữ những tài liệu hình thành trong quy trình xây dựng, phê duyệt, gia hạn Đề án và quản lý chương trình LKĐTVNN theo quy định hiện hành. Hồ sơ lưu trữ bao gồm:

a) Bản chính các văn bản, hồ sơ đề nghị gửi Giám đốc Học viện của các đơn vị trong Học viện thông qua Phòng QLKHHCN&HTQT trong lĩnh vực LKĐTVNN;

b) Bản chính các công văn trình Giám đốc Học viện liên quan đến lĩnh vực LKĐTVNN;

c) Bản chính các Bản ghi nhớ hợp tác giữa Học viện và các cơ sở giáo dục nước ngoài;

d) Bản chính Văn bản thông qua/từ chối thông qua Đề xuất đàm phán chương trình LKĐTVNN;

đ) Hồ sơ gốc cùng các văn bản góp ý Đề xuất đàm phán chương trình LKĐTVNN;

e) Bản chính Thỏa thuận hợp tác LKĐTVNN/Gia hạn Thỏa thuận hợp tác LKĐTVNN;

f) Bản chính Quyết định phê duyệt/Văn bản từ chối phê duyệt Đề án LKĐTVNN;

g) Hồ sơ đề nghị phê duyệt Đề án LKĐTVNN (bản gốc); các công văn giải trình, hồ sơ bổ sung; các ý kiến thẩm định bằng văn bản của các Đơn vị liên quan; báo cáo thẩm định, biên bản cuộc họp của Hội đồng thẩm định;

h) Bản chính Quyết định phê duyệt gia hạn/Văn bản từ chối gia hạn Đề án LKĐTVNN;

i) Hồ sơ đề nghị gia hạn Đề án LKĐTVNN (bản gốc); các ý kiến góp ý bằng văn bản của các Đơn vị liên quan;

k) Bản chính các báo cáo của đơn vị thực hiện LKĐTVNN và các đơn vị được giao thực hiện chương trình LKĐTVNN;

l) Bản chính các báo cáo về hoạt động LKĐTVNN gửi Bộ GD&ĐT và Bộ TT&TT;

2. Đơn vị thực hiện LKĐTVNN thực hiện chương trình LKĐTVNN có trách nhiệm lưu trữ những tài liệu sau theo quy định hiện hành:

a) Bản sao hồ sơ đề xuất đàm phán, xây dựng, trình duyệt cấp phép, gia hạn chương trình LKĐTVNN;

b) Các văn bản cho phép tuyển sinh, quyết định trúng tuyển, danh sách nhập học, kết quả tốt nghiệp, quyết định công nhận tốt nghiệp, hồ sơ cấp bằng tốt nghiệp;

c) Hồ sơ của sinh viên, học viên, bao gồm: hồ sơ dự tuyển, chứng chỉ ngoại ngữ, quyết định trúng tuyển/giấy báo nhập học, kết quả học tập, luận văn/luận án (nếu có);

d) Hồ sơ tổ chức đào tạo: bao gồm kế hoạch giảng dạy, học tập, lịch giảng dạy, số điểm lên lớp, điểm danh sinh viên hoặc học viên, bài thi, bảng điểm.

Điều 22. Quảng cáo, giới thiệu, công bố thông tin về chương trình LKĐTVNN

1. Các chương trình LKĐTVNN chỉ được quảng cáo, giới thiệu chương trình đào tạo sau khi Đề án của chương trình được phê duyệt và được phép tuyển sinh.

2. Thông tin quảng cáo, giới thiệu phải ghi rõ các thông tin liên quan đến quyết định phê duyệt Đề án LKĐTVNN và quyết định cho phép tuyển sinh như: đơn vị được giao thực hiện chương trình LKĐTVNN, CSGDNN, ngành nghề trình độ đào tạo, hình thức đào tạo, nội dung đào tạo, kinh phí đào tạo, văn bằng đào tạo (ghi rõ trường nào cấp), địa điểm đào tạo và thời gian đào tạo, các điều kiện tuyển sinh, điều kiện chuyển tiếp (nếu có).

3. Nội dung quảng cáo, giới thiệu cần tuân thủ theo các quy định nêu trong Thỏa thuận hợp tác LKĐTVNN.

4. Thông tin liên quan đến chương trình LKĐTVNN phải được đăng tải công khai trên cổng thông tin điện tử (hoặc website) chính thức của đơn vị được giao thực hiện chương trình LKĐTVNN hoặc của Học viện.

Điều 23. Cảnh cáo, đình chỉ tuyển sinh và chấm dứt liên kết đào tạo.

1. Chương trình LKĐTVNN bị đình chỉ tuyển sinh trong những trường hợp sau:

a) Không đảm bảo các điều kiện liên kết theo quy định về giảng viên; cơ sở vật chất và thiết bị; chương trình, quy mô đào tạo, ngôn ngữ giảng dạy; đối tượng tuyển sinh làm ảnh hưởng đến chất lượng giáo dục;

b) Vi phạm quy định của Quyết định phê duyệt hoặc Quyết định gia hạn Đề án LKĐTVNN ở mức độ pháp luật quy định phải đình chỉ tuyển sinh.

2. Chương trình liên kết đào tạo chấm dứt trong những trường hợp sau:

a) Hết thời hạn quy định trong Quyết định phê duyệt hoặc Quyết định gia hạn Đề án LKĐTVNN;

b) Theo đề nghị của các bên liên kết;

c) Hết thời hạn đình chỉ tuyển sinh nhưng không khắc phục được nguyên nhân dẫn đến đình chỉ tuyển sinh;

d) Vi phạm quy định của Quyết định phê duyệt hoặc Quyết định gia hạn Đề án LKĐTVNN ở mức độ pháp luật quy định phải chấm dứt.

3. Đơn vị được giao thực hiện chương trình LKĐTVNN bị cảnh cáo bằng văn bản trong những trường hợp sau:

a) Để chương trình LKĐTVNN phát sinh vi phạm nhưng chưa đến mức bị xử lý đình chỉ tuyển sinh;

b) Không thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo, lưu trữ và công bố thông tin.

4. Phòng QLKHCN&HTQT phối hợp với Thanh tra đào tạo đề xuất, tham mưu cho Giám đốc Học viện ra quyết định xử lý các chương trình LKĐTVNN, các đơn vị thực hiện chương trình LKĐTVNN vi phạm các quy định của Mục 1, 2 và 3 của Điều này.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 24. Hiệu lực thi hành

1. Quy định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Những quy định khác không nêu trong Quy định này sẽ được áp dụng theo các quy định, nghị định hiện hành và các văn bản pháp luật có liên quan về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục.

3. Trong quá trình thực hiện, Quy định này có thể được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với thực tiễn trong Học viện hoặc theo sự sửa đổi và bổ sung Nghị định của Chính phủ quy định về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục và các văn bản pháp luật có liên quan về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục.

Điều 25. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng, Phó giám đốc Học viện phụ trách Cơ sở Học viện tại Thành phố Hồ Chí Minh, Trưởng phòng Quản lý Khoa học công nghệ và Hợp tác quốc tế, Giám đốc Trung tâm Đào tạo quốc tế, Trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quy định này./.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



***Trần Quang Anh**

Phụ lục
MẪU BIỂU TRONG QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ CHƯƠNG TRÌNH LKĐTVNN
(Ban hành kèm Quyết định số: 317/QĐ-HV ngày 18/5/2020
của Giám đốc Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông)

TT	Mã biểu mẫu	Tên biểu mẫu
I	BM01	Đề án LKĐTVNN
II	BM02	Phiếu đề nghị thẩm định Đề án LKĐTVNN
III	BM03	Tờ trình về việc thực hiện chương trình LKĐTVNN
IV	BM04	Đơn đề nghị phê duyệt đề án LKĐTVNN
V	BM05	Phiếu Biên nhận Hồ sơ Đề án LKĐTVNN
VI	BM06	Quyết định phê duyệt Đề án LKĐTVNN
VII	BM07	Báo cáo định kỳ về tình hình thực hiện chương trình LKĐTVNN

BM01

ĐỀ ÁN LIÊN KẾT ĐÀO TẠO VỚI NƯỚC NGOÀI

CHUYÊN NGÀNH:.....

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO:.....

1. Sự cần thiết của chương trình LKĐTVNN

2. Mục tiêu của chương trình LKĐTVNN

3. Thông tin về cơ sở giáo dục nước ngoài cùng liên kết đào tạo

Cơ sở giáo dục đại học được thành lập và hoạt động hợp pháp ở nước ngoài, được cơ quan, tổ chức kiểm định chất lượng hoặc cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài công nhận về chất lượng và được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam công nhận.

4. Thời hạn liên kết đào tạo

Thời hạn hoạt động của chương trình liên kết đào tạo không quá năm năm, kể từ ngày được phê duyệt và có thể được gia hạn, mỗi lần gia hạn không quá năm năm.

5. Ngành và trình độ đào tạo

- Cơ sở giáo dục cơ sở giáo dục đại học được thành lập và hoạt động hợp pháp tại Việt Nam này chỉ được liên kết đào tạo trong phạm vi ngành, nghề và trình độ đào tạo đã được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cho phép thực hiện;

- Cơ sở giáo dục quy định tại cơ sở giáo dục đại học được thành lập và hoạt động hợp pháp ở nước ngoài chỉ được liên kết đào tạo trong phạm vi ngành, nghề và trình độ đào tạo được phép thực hiện và được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam công nhận.

6. Điều kiện cơ sở vật chất, thiết bị

- Cơ sở vật chất, thiết bị sử dụng trong liên kết đào tạo phải phù hợp với yêu cầu của ngành, nghề đào tạo, không làm ảnh hưởng tới hoạt động đào tạo chung của cơ sở giáo dục Việt Nam và bao gồm: Phòng học, phòng làm việc giáo viên, phòng máy tính, phòng thực hành, phòng thí nghiệm, thư viện và các trang thiết bị cần thiết khác. Diện tích trung bình dùng trong giảng dạy, học tập ít nhất là 05 m²/sinh viên hoặc học viên;

- Cơ sở giáo dục thực hiện liên kết đào tạo phải cung cấp đầy đủ giáo trình, tài liệu học tập phục vụ cho việc học tập, nghiên cứu của sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh.

7. Chương trình, cấu trúc và nội dung giảng dạy

Chương trình, cấu trúc và nội dung giảng dạy bao gồm danh sách học phần và tín chỉ của từng học phần; tổng số tín chỉ, tổng thời gian học của chương trình; phân bổ học phần, tín chỉ và thời gian học tại Học viện và/hoặc tại cơ sở giáo dục nước ngoài. Cần đảm bảo chương trình đào tạo của nước ngoài thực hiện tại Việt Nam phải là chương trình đã được kiểm định chất lượng ở nước ngoài hoặc là chương trình của cơ sở giáo dục đã được tổ chức kiểm định chất lượng hoặc cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài công nhận về chất lượng.

8. Quy mô đào tạo

Quy mô đào tạo của chương trình liên kết được xác định căn cứ vào các điều kiện đảm bảo chất lượng chương trình: Cơ sở vật chất, thiết bị, phòng thí nghiệm, đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý. Các điều kiện này không được trùng với các điều kiện đã được sử dụng để tính

toán chỉ tiêu tuyển sinh của cơ sở giáo dục. Đơn vị thực hiện và cơ sở giáo dục nước ngoài đề xuất quy mô đào tạo trong Đề án liên kết đào tạo, trình Hiệu trưởng phê duyệt.

9. Danh sách giảng viên, giảng viên dự kiến và lý lịch cá nhân

- Đối với liên kết đào tạo trình độ đại học thì giảng viên ít nhất phải có bằng thạc sĩ phù hợp với chuyên ngành giảng dạy;

- Đối với liên kết đào tạo trình độ thạc sĩ thì giảng viên giảng dạy các môn học, chuyên đề, hướng dẫn luận văn thạc sĩ và tham gia Hội đồng chấm luận văn thạc sĩ ít nhất phải có bằng tiến sĩ; giảng viên hướng dẫn thực hành, thực tập, giảng dạy ngoại ngữ ít nhất phải có bằng thạc sĩ;

- Đối với liên kết đào tạo trình độ tiến sĩ thì giảng viên ít nhất phải có bằng tiến sĩ ở chuyên ngành hoặc ngành phù hợp với học phần sẽ đảm nhiệm trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ;

- Giảng viên, giảng viên là người nước ngoài giảng dạy tại các chương trình liên kết đào tạo ít nhất phải có năm năm kinh nghiệm trong cùng lĩnh vực giảng dạy;

- Giảng viên, giảng viên giảng dạy bằng ngoại ngữ trong chương trình liên kết đào tạo phải có trình độ ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu của chương trình, nhưng không thấp hơn trình độ C1 theo Khung tham chiếu chung châu Âu về năng lực ngoại ngữ hoặc tương đương).

10. Đối tượng, hình thức và tiêu chí tuyển sinh

- Trường hợp cấp văn bằng của cơ sở giáo dục Việt Nam thì phải tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam về điều kiện tiếp nhận vào học các trình độ đại học, thạc sĩ và tiến sĩ;

- Trường hợp cấp văn bằng của cơ sở giáo dục nước ngoài thì phải tuân thủ quy định về điều kiện tiếp nhận vào học các trình độ đại học, thạc sĩ và tiến sĩ của cơ sở giáo dục nước ngoài. Các điều kiện này phải tương ứng với điều kiện tiếp nhận của cơ sở giáo dục nước ngoài quy định tại nước sở tại và được Bộ Giáo dục và Đào tạo.

11. Mức học phí, hỗ trợ tài chính của cá nhân, tổ chức Việt Nam và nước ngoài (nếu có);

12. Hình thức tổ chức kiểm tra, đánh giá

Việc kiểm tra, thi, đánh giá, công nhận hoàn thành chương trình môn học, mô đun, trình độ đào tạo, công nhận tốt nghiệp được thực hiện theo quy định của pháp luật Việt Nam nếu cấp văn bằng, chứng chỉ của Việt Nam hoặc theo quy định của pháp luật nước ngoài nếu cấp văn bằng, chứng chỉ của nước ngoài.

13. Văn bằng, chứng chỉ sẽ được cấp, tính tương đương của văn bằng nước ngoài đối với văn bằng của hệ thống giáo dục quốc dân Việt Nam

Văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải tuân thủ quy định của pháp luật nước đó và được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam công nhận; 2. Văn bằng do cơ sở giáo dục Việt Nam cấp phải tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam.

14. Dự toán phương án tài chính, cơ chế quản lý tài chính

15. Biện pháp đảm bảo chất lượng và quản lý rủi ro

16. Trách nhiệm và quyền hạn của các bên liên kết

17. Trách nhiệm và quyền hạn của giảng viên và người học

18. Bộ phận phụ trách chương trình LKĐT, lý lịch cá nhân của người đại diện Học viện và cơ sở giáo dục nước ngoài tham gia quản lý chương trình (nếu có);

19. Danh sách và đề cương chi tiết

Đề cương chi tiết của từng học phần phải thể hiện rõ số lượng tín chỉ, điều kiện tiên quyết (nếu có), nội dung lý thuyết và thực hành, cách thức đánh giá học phần, giáo trình, tài liệu tham khảo và điều kiện thí nghiệm, thực hành, thực tập phục vụ học phần.

20. Các thỏa thuận về công nhận học phần, chuyển tiếp sinh viên (nếu có) giữa các bên tham gia chương trình LKĐTVNN

21. Quá trình hợp tác giữa các bên tham gia LKĐT

ĐƠN VỊ ĐỀ XUẤT LKĐTVNN KÝ

BM02

HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ
BUU CHÍNH VIỄN THÔNG
ĐƠN VỊ THỰC HIỆN CHƯƠNG
TRÌNH LKĐTVNN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 20....

**PHIẾU ĐỀ NGHỊ THẨM ĐỊNH
ĐỀ ÁN CHƯƠNG TRÌNH LKĐTVNN**

Kính gửi:(các đơn vị cần xin ý kiến đóng góp)

Đơn vị thực hiện chương trình LKĐTVNN đề nghị Quý đơn vị nghiên cứu và có ý kiến thẩm định đối với Dự thảo đề xuất đàm phán chương trình LKĐTVNN.

Hồ sơ thẩm định gồm:

1. Phiếu đề nghị thẩm định (Theo BM02 tại phụ lục của Quy định này).
2. Đề án LKĐTVNN (Theo BM01 tại phụ lục của Quy định này).
3. Các tài liệu khác có liên quan.

**TRƯỞNG ĐƠN VỊ
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH LKĐTVNN**

BM03

HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ
 BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG
**ĐƠN VỊ: THỰC HIỆN CHƯƠNG
 TRÌNH LKĐTVNN**

Số: /TTr.....

V/v: thực hiện chương trình LKĐTVNN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày.....tháng.....năm

TỜ TRÌNH

Về việc thực hiện chương trình Liên kết Đào tạo với nước ngoài

Kính gửi: Giám đốc Học viện

Ý kiến phê duyệt, chỉ đạo của Giám đốc Học viện

- I. Lý do thực hiện chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài
- II. Nêu ngắn gọn về chương trình LKĐTVNN, bao gồm những nội dung sau:
 1. Mục tiêu của Chương trình LKĐTVNN
 2. Thông tin cơ bản về cơ sở giáo dục nước ngoài tham gia liên kết đào tạo
 3. Thời hạn dự kiến LKĐTVNN
 4. Ngành nghề và trình độ đào tạo
 5. Điều kiện cơ sở vật chất, thiết bị dự kiến của chương trình LKĐTVNN
 6. Chương trình và cấu trúc dự kiến của chương trình LKĐTVNN
 7. Quy mô đào tạo dự kiến
 8. Đối tượng, hình thức và tiêu chí tuyển sinh dự kiến
 9. Mức học phí, hỗ trợ tài chính dự kiến
 10. Văn bằng, chứng chỉ dự định cấp, tính tương đương của văn bằng nước ngoài đối với văn bằng của hệ thống giáo dục quốc dân Việt Nam
- III. Tổng hợp các ý kiến đóng góp của các phòng/ban/đơn vị liên quan theo chức năng nhiệm vụ về chương trình LKĐTVNN (Văn bản kèm theo)
- IV. Đề xuất của Đơn vị thực hiện chương trình LKĐTVNN
 Đơn vị kính đề nghị Ban Lãnh đạo Học viện xem xét và phê duyệt chương trình LKĐTVNN đào tạo bậc..... ngành..... giữa ...
 và

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký và đóng dấu (nếu có))
 ghi rõ họ tên)

BM04

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày.....tháng.....năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
PHÊ DUYỆT ĐỀ ÁN LIÊN KẾT ĐÀO TẠO

Kính gửi: Giám đốc Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục ngày 25 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Luật giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 86/2018/NĐ-CP ngày 06/6/2018 của Chính phủ quy định về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 222/QĐ-TTg ngày 04/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông;

Căn cứ Thỏa thuận hợp tác liên kết đào tạo....,

Chúng tôi, những người ký tên dưới đây, đại diện cho các Bên tham gia liên kết gồm:

I. Các bên liên kết

1. Bên Việt Nam: Đơn vị thực hiện chương trình LKĐTVNN

Địa chỉ:.....

Điện thoại:.....Fax:.....

Website:.....Email:.....

Quyết định thành lập:.....

Người đại diện:.....

Chức vụ:.....

2. Bên nước ngoài: Đơn vị ký thỏa thuận hợp tác về chương trình LKĐTVNN

Địa chỉ:.....

Điện thoại:.....Fax:.....

Website:.....Email:.....

Văn bản pháp lý về việc thành lập/Giấy phép đăng ký hoạt động:
.....

Người đại diện:.....

Chức vụ:.....

đề nghị Giám đốc Học viện Công nghệ BCVT xem xét, phê duyệt Đề án Liên kết đào tạo cấp bằnggiữa.....và..... với các mục tiêu, phạm vi và thời hạn hoạt động như sau:

1. Mục tiêu của chương trình liên kết đào tạo

(Ghi tóm tắt mục tiêu thực hiện chương trình liên kết đào tạo)

2. Phạm vi hoạt động của chương trình liên kết đào tạo

(Ghi tóm tắt mục tiêu thực hiện chương trình liên kết đào tạo, lĩnh vực dự định liên kết đào tạo, trình độ đào tạo, quy mô tuyển sinh hàng năm và văn bằng sẽ cấp trong chương trình liên kết đào tạo)

3. Thời hạn hoạt động của chương trình liên kết đào tạo:.....

II. Chúng tôi xin cam kết:

1. Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và tính chính xác của nội dung Đơn đề nghị và hồ sơ kèm theo.
2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam.

III. Các tài liệu gửi kèm Đơn này gồm:

1. Bản sao thỏa thuận (Hợp đồng) hợp tác liên kết đào tạo giữa các Bên liên kết đào tạo;
2. Giấy tờ chứng minh tư cách pháp lý của các Bên liên kết đào tạo: Bản sao có chứng thực quyết định thành lập hoặc cho phép thành lập cơ sở giáo dục hoặc các tài liệu tương đương khác. Đối với giấy tờ minh chứng của đối tác nước ngoài cần có bản dịch công chứng;
3. Bản sao giấy tờ chứng minh cơ sở giáo dục Việt Nam và cơ sở giáo dục nước ngoài được phép đào tạo trong lĩnh vực dự định liên kết;
4. Bản sao giấy tờ chứng nhận kiểm định chất lượng của chương trình đào tạo nước ngoài hoặc của cơ sở giáo dục nước ngoài hoặc giấy tờ công nhận chất lượng của cơ quan có thẩm quyền;
5. Văn bản chấp thuận về chủ trương cho phép liên kết đào tạo với nước ngoài của Bộ Thông tin và Truyền thông;
6. Văn bản/Quyết định thông qua Đề xuất triển khai đàm phán chương trình LKĐTVNN của Giám đốc Học viện;
7. Đề án Liên kết đào tạo;
8. Các văn bản khác (nếu có).

**TRƯỞNG ĐƠN VỊ THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH LKĐTVNN**

(Ký tên, đóng dấu)

BM05

BỘ THÔNG TIN & TRUYỀN THÔNG
HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ BCVT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU BIÊN NHẬN
HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ PHÊ DUYỆT
ĐỀ ÁN LIÊN KẾT ĐÀO TẠO VỚI NƯỚC NGOÀI

Tên Đơn vị thực hiện:

Tên cơ sở giáo dục nước ngoài liên kết (Tên tiếng Việt và Quốc tế):.....

Trình độ, chuyên ngành LKĐT (tên chuyên ngành tiếng Việt và Quốc tế):

Hồ sơ gồm có:

1	Văn bản đề nghị phê duyệt Đề án LKĐTVNN (đại diện hợp pháp của các bên liên kết ký)	<input type="checkbox"/>
2	Thỏa thuận hợp tác LKĐT giữa các bên liên kết (bản sao hợp lệ)	<input type="checkbox"/>
3a	Văn bản xác nhận tư cách pháp lý của Học viện Công nghệ BCVT	<input type="checkbox"/>
3b	Văn bản xác nhận tư cách pháp lý của cơ sở giáo dục nước ngoài (bản sao hợp lệ và bản dịch công chứng tiếng Việt nếu không phải Tiếng Anh)	<input type="checkbox"/>
4	Văn bản minh chứng Học viện Công nghệ BCVT và cơ sở giáo dục nước ngoài được phép đào tạo trong lĩnh vực dự định liên kết (Bản sao hợp lệ)	<input type="checkbox"/>
5	Văn bản minh chứng chương trình đào tạo nước ngoài hoặc cơ sở đào tạo nước ngoài đã được công nhận chất lượng đào tạo tại nước sở tại (bản sao hợp lệ và bản dịch công chứng tiếng Việt nếu không phải Tiếng Anh)	<input type="checkbox"/>
6	Văn bản chấp thuận về chủ trương cho phép liên kết đào tạo với nước ngoài của Bộ Thông tin và Truyền thông	<input type="checkbox"/>
7	Văn bản/Quyết định thông qua Đề xuất triển khai đàm phán chương trình LKĐTVNN của Giám đốc Học viện	
8	Đề án LKĐTVNN	<input type="checkbox"/>
a	Sự cần thiết của chương trình	<input type="checkbox"/>
b	Mục tiêu của chương trình	<input type="checkbox"/>
c	Thông tin về cơ sở giáo dục nước ngoài cùng LKĐT	<input type="checkbox"/>
d	Thời hạn LKĐT	<input type="checkbox"/>
e	Ngành nghề và trình độ đào tạo	<input type="checkbox"/>
f	Điều kiện cơ sở vật chất, thiết bị	<input type="checkbox"/>
g	Chương trình, cấu trúc và nội dung giảng dạy	<input type="checkbox"/>

h	Quy mô đào tạo	<input type="checkbox"/>
i	Danh sách giảng viên dự kiến và Lý lịch cá nhân	<input type="checkbox"/>
j	Đối tượng, hình thức và tiêu chí tuyển sinh	<input type="checkbox"/>
k	Mức học phí và hỗ trợ tài chính	<input type="checkbox"/>
l	Hình thức tổ chức kiểm tra, đánh giá	<input type="checkbox"/>
m	Văn bằng sẽ cấp, tính tương đương	<input type="checkbox"/>
n	Dự toán tài chính, cơ chế quản lý tài chính	<input type="checkbox"/>
o	Biện pháp đảm bảo chất lượng và quản lý rủi ro	<input type="checkbox"/>
p	Trách nhiệm và quyền hạn của các bên liên kết	<input type="checkbox"/>
q	Trách nhiệm và quyền hạn của các giảng viên và người học	<input type="checkbox"/>
r	Bộ phận phụ trách chương trình LKĐT, lý lịch cá nhân	<input type="checkbox"/>
s	Danh sách và đề cương chi tiết	<input type="checkbox"/>
t	Thỏa thuận về công nhận học phần, chuyển tiếp sinh viên, học viên (nếu có)	<input type="checkbox"/>
u	Quá trình hợp tác giữa các bên tham gia LKĐT	<input type="checkbox"/>

Các giấy tờ khác:

.....

Ngày nhận hồ sơ:

Người nộp hồ sơ

Người nhận hồ sơ

Điện thoại liên hệ:

BM06
BỘ THÔNG TIN & TRUYỀN THÔNG
HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ BCVT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-HV

(2) Hà nội, ngày.....tháng.....năm 20...

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Đề án liên kết đào tạo với nước ngoài

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG (1)

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục ngày 25 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Luật giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 86/2012/NĐ-CP ngày 06/6/2018 của Chính phủ quy định về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 222/QĐ-TTg ngày 04/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn Thông;

Căn cứ Thỏa thuận hợp tác liên kết đào tạo....,

Xét đề nghị của vàtại Hồ sơ liên kết đào tạo cấp bằng(11)..... ngày tháng năm

Xét đề nghị của Trưởng phòng QLKHCN&HTQT (3),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án liên kết đào tạo cấp bằng giữa các Bên:

Bên Việt Nam:

- Trụ sở:
- Điện thoại:
- Fax:
- Website:
- Quyết định thành lập:

Bên nước ngoài:

- Trụ sở:
- Điện thoại:
- Fax:
- Website:
- Văn bản pháp lý:(4).....

Điều 2. Các Bên liên kết có trách nhiệm tuân thủ luật pháp Việt Nam, những cam kết, kế hoạch được trình bày trong Hồ sơ đề nghị phê duyệt chương trình liên kết đào

tạo với những nội dung chính sau:

1. Đối tượng tuyển sinh: (5).....
2. Thời gian và chương trình đào tạo:(6).....
3. Ngôn ngữ giảng dạy:(7).....
4. Đội ngũ giảng viên:(8).....
5. Quy mô đào tạo:(9).....
6. Địa điểm đào tạo:(10).....
7. Văn bằng:(11).....
8. Kinh phí đào tạo và quản lý tài chính:(12).....

Điều 3. Sau mỗi năm học(13)..... báo cáo(1)..... về các hoạt động liên quan đến việc tổ chức thực hiện và quản lý Chương trình liên kết đào tạo và định kỳ 6 tháng một lần cập nhật cơ sở dữ liệu về liên kết đào tạo với nước ngoài của Bộ Giáo dục và Đào tạo.(1)..... chịu trách nhiệm kiểm tra và phối hợp với các đơn vị có liên quan thanh tra công tác tổ chức thực hiện và quản lý Chương trình liên kết của các bên liên kết theo Quyết định này và Hồ sơ Chương trình liên kết đã phê duyệt.

Điều 4. Thời hạn hoạt động của Chương trình liên kết

Điều 5. Hiệu lực của quyết định. Cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
-
-
- Lưu: VT,

GIÁM ĐỐC

(Ký tên,

đóng dấu, ghi rõ họ và tên)

Ghi chú:

- (1) Thủ trưởng cơ quan, tổ chức có thẩm quyền ra Quyết định phê duyệt Đề án liên kết đào tạo;
- (2) Địa danh tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương nơi đặt trụ sở cơ quan ban hành quyết định;
- (3) Thủ trưởng đơn vị chủ trì soạn thảo Quyết định phê duyệt Đề án liên kết đào tạo;
- (4) Số, ký hiệu văn bản thể hiện tư cách pháp lý của đối tác nước ngoài, ngày... tháng... năm ... ban hành văn bản và tên cơ quan ban hành văn bản;
- (5) Yêu cầu về trình độ học vấn đầu vào, năng lực sử dụng ngoại ngữ và các yêu cầu khác;
- (6) Thời gian đào tạo (năm học hoặc học kỳ), cơ sở đào tạo chịu trách nhiệm cung cấp chương trình đào tạo, thời lượng chương trình đào tạo (số tín chỉ) bao gồm cả giai đoạn đào tạo trong nước và giai đoạn đào tạo ở nước ngoài (nếu có);
- (7) Ngoại ngữ sử dụng trong quá trình giảng dạy Chương trình liên kết;
- (8) Nguồn giảng viên tham gia giảng dạy Chương trình liên kết, tiêu chí đối với giảng viên (trình độ chuyên môn và năng lực sử dụng ngoại ngữ);
- (9) Số lượng dự kiến tuyển sinh mỗi khóa, số khóa tuyển sinh/năm;
- (10) Địa chỉ cơ sở đào tạo thực hiện chương trình liên kết;
- (11) Tên văn bằng (tiếng Việt và tiếng nước ngoài), tên cơ sở đào tạo cấp bằng;
- (12) Mức thu học phí (toàn khóa học hoặc theo năm học) bao gồm giai đoạn đào tạo trong nước và giai đoạn đào tạo ở nước ngoài (nếu có), nguồn kinh phí tài trợ cho chương trình (nếu có);
- (13) Tên cơ sở giáo dục đại học Việt Nam và tên cơ sở giáo dục đại học nước ngoài.

BM07

HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ BCVT
ĐƠN VỊ:.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /

Hà Nội, ngày..... tháng... năm

V/v báo cáo định kỳ việc tổ chức thực
 hiện liên kết đào tạo năm

Kính gửi: Giám đốc Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông

Chương trình 1

1. Nội dung chương trình hợp tác
(Nêu ngắn gọn về tên chương trình, ngành và trình độ đào tạo, thời hạn thực hiện chương trình)
2. Tình hình triển khai chương trình
 - 2.1. Chương trình đào tạo, kế hoạch tổ chức giảng dạy
 - 2.2. Số lượng sinh viên, học viên (số lớp, số sinh viên hoặc học viên/lớp)
 - 2.3. Kết quả học tập của sinh viên, học viên
(Kết quả học tập của sinh viên, học viên theo từng kỳ, các quyết định liên quan đến kỷ luật trong quá trình học: thôi học, đình chỉ, cảnh cáo, bảo lưu,)
 - 2.4. Số lượng và tỷ lệ tốt nghiệp của sinh viên, học viên
(Kèm bản sao các văn bản liên quan đến tốt nghiệp: quyết định công nhận tốt nghiệp và danh sách sinh viên, học viên tốt nghiệp)
 - 2.5. Văn bằng, chứng chỉ được cấp
3. Báo cáo tài chính
4. Danh sách giảng viên tham gia giảng dạy *(đối với giảng viên lần đầu tham gia giảng dạy tại chương trình cung cấp lý lịch cá nhân)*
5. Cơ sở vật chất
6. Báo cáo đánh giá về đảm bảo chất lượng đào tạo
7. Báo cáo tuyển sinh
 - 7.1. Quy mô tuyển sinh
 - 7.2. Kết quả tuyển sinh
(Kèm bản sao các văn bản liên quan đến quá trình tuyển sinh: thông báo tuyển sinh, quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh, quyết định công nhận trúng tuyển....)
8. Tự đánh giá chương trình
9. Những thuận lợi, khó khăn trong quá trình triển khai chương trình
10. Đề xuất, kiến nghị

Chương trình 2 (nội dung báo cáo như chương trình 1)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký và ghi rõ họ tên)